

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-3-2021

V/v : “Không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 647/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 1045 tổ 47, ấp 2, xã K, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1976

HKTT: Ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

Tạm trú: 1045 tổ 47, ấp 2, xã K, huyện N, tỉnh Đ.

(Bà L có mặt; ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống với nhau tại tổ 47, ấp 2, xã K, huyện N, tỉnh Đ.

Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp, cả hai thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra ông C không quan tâm gia đình, thường vô cớ chửi bới, xúc phạm, đánh đập bà. Nay bà yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Văn C.

- Con chung: bà và ông C có 02 con chung là Phạm Đức Th-sinh ngày 23/5/2000 và Phạm Thắng L-sinh ngày 26/12/2004. Nếu Tòa án xét xử, bà xin nuôi cháu L, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Th đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông C không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Bà L và ông C tự nguyện chung sống vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay bà L yêu cầu không công nhận là vợ chồng, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung là phù hợp pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; các điều 14, 15, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn C đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Bà Phạm Thị L yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Văn C. Hiện nay ông C đang sinh sống tại ấp 2, xã K, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Không công nhận là vợ chồng”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Phạm Thị L là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn C là bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L khai bà chung sống với ông Nguyễn Văn C vào năm 1999, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà L yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với ông C, phía ông C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K và Ủy ban nhân dân xã P thể hiện bà L, ông C chung sống nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C đã vi phạm quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Việc bà L yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông C là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà L khai có 02 con chung là Phạm Đức Th-sinh ngày 23/5/2000 và Phạm Thắng L-sinh ngày 26/12/2004, kết quả xác minh tại UBND xã K phù hợp với lời khai của bà L.

Tại phiên tòa, bà L xin được nuôi cháu Phạm Thắng L, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Th đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà L không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy, hiện nay cháu L đang do bà L nuôi dưỡng và cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Quá trình giải quyết vụ án ông C không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần giao cháu L cho bà L nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật. Đối với cháu Th đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986; các điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về việc “Không công nhận là vợ chồng” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C.

1. Xử: Không công nhận bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phạm Thắng L, sinh ngày 26/12/2004 cho bà L nuôi dưỡng. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000961 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ án phí.

Báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã Phước Khánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

